

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS -ST  
Ngày: 19 - 10 -2021  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Ông Nguyễn Ron

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Q, tỉnh Bình Định

- *Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng

Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2021/QĐXX-ST ngày 21/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 208/TB-TA ngày 15/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tú C - chủ hộ kinh doanh cá thể L; Địa chỉ: 597 T, TP.Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ 32, KV 6, phường H , TP. Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tú C - chủ hộ kinh doanh cá thể L trình bày: Bà là chủ hộ kinh doanh cá thể L, chuyên mua bán ống nước và phụ kiện về nước. Từ ngày 31/10/2018 đến 18/4/2019, bà S có mua ống nước của bà để làm công trình với tổng số tiền 246.595.922 đồng. Quá trình mua bán bà S đã trả 222.595.922 đồng. Sau khi chấm dứt việc mua bán bà S còn nợ số tiền

24.499.822 đồng (03 đơn hàng ngày 10/4/2019 nợ 4.622.020 đồng; ngày 03/4/2019 nợ 14.276.700 đồng; ngày 18/4/2019 nợ 5.601.102 đồng). Bà với bà S thống nhất làm tròn số, bà S còn nợ 24.000.000 đồng.

Bà S có viết giấy hẹn trả nợ 03 lần nhưng cho đến hiện nay bà S vẫn không trả, do đó bà khởi kiện yêu cầu bà S phải trả cho bà số tiền 24.000.000 đồng nói trên. Bà không yêu cầu bà S trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

*Bị đơn bà Huỳnh Thị S:* không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

**\* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bà Huỳnh Thị S phải thanh toán khoản tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán với số tiền 24.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: bà Huỳnh Thị Tú C - chủ hộ kinh doanh cá thể L có đơn khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị S đòi thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán. Căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn về thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của bà Huỳnh Thị Tú C phù hợp với bảng chi tiết công nợ và giấy nợ do bà Huỳnh Thị S viết ngày 11/12/2019 nên có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 31/10/2018 đến ngày 18/4/2019 bà C có bán vật liệu xây dựng (ống nước) cho bà S để xây dựng công trình, với tổng số tiền 246.595.922 đồng. Quá trình mua bán bà S đã thanh toán 222.595.922 đồng, còn nợ số tiền 24.000.000 đồng. Do bà S không thực hiện việc trả nợ theo đúng thỏa thuận nên bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu bà S phải trả số tiền 24.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị Tú C - chủ hộ kinh doanh cá thể L đối với bà Huỳnh Thị S là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tú C được chấp nhận nên bà C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; bà Huỳnh Thị S phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tú C - chủ hộ kinh doanh cá thể L. Buộc Bà Huỳnh Thị S phải trả cho bà Huỳnh Thị Tú C số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị S phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Tú C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003536 ngày 15/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Quy Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Minh Hòa**